

Số: 2382 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 11 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 565/QĐ-BTP ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Bộ Tư pháp về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 2139/STP-VP ngày 28 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 210 dịch vụ công trực tuyến (bao gồm: 39 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 171 dịch vụ công trực tuyến một phần) thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế. (Phụ lục danh mục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm:

a) Cập nhật các dịch vụ công trực tuyến đã được ban hành kèm theo Quyết định này thuộc phạm vi chức năng quản lý 3 cấp (tỉnh, huyện, xã) trên phần mềm Hệ thống cơ sở dữ liệu TTHC tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định;

b) Trên cơ sở Quyết định công bố danh mục TTHC được ban hành Sở Tư pháp chủ động phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, tham mưu đề xuất sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ công trực tuyến để nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh;

c) Căn cứ danh mục TTHC được phê duyệt tại Quyết định này, tổ chức triển khai thực hiện, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền và đề ra các giải pháp cụ thể để thực hiện hiệu quả việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh, đảm bảo số lượng hồ sơ giao dịch phát sinh đạt tỷ lệ theo quy định;

d) Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện rà soát, đánh giá, tái cấu trúc quy trình TTHC và tiến hành kiểm thử để tích hợp, công khai các dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Bảo đảm kỹ thuật, an toàn thông tin cho Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh;

b) Phối hợp với Sở Tư pháp và Trung tâm Phục vụ hành chính công để cấu hình quy trình điện tử, biểu mẫu điện tử, chữ ký điện tử và các giải pháp kỹ thuật liên quan để triển khai hiệu quả các dịch vụ công theo Danh mục dịch vụ công toàn trình, một phần tại Quyết định này;

c) Hỗ trợ, hướng dẫn các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện cấu hình quy trình xử lý dịch vụ công khi có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung;

3. Giao Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh kiểm tra, theo dõi việc cập nhật, tái cấu trúc quy trình điện tử các dịch vụ công trực tuyến lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) của tỉnh theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phổ biến và sao gửi Quyết định này đến Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn cấp huyện quản lý.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế Phụ lục XVII ban hành kèm theo Quyết định số 1722/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Chuyển đổi số) (đề b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VPUBND: CVP, các PCVP;
- Trung tâm PVHCC, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Bình

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH VÀ MỘT PHẦN THUỘC PHẠM VI CHỨC
NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TƯ PHÁP

(Kèm theo Quyết định số: 2382 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình ¹	Trực tuyến một phần ²	Không xác định là dịch vụ công trực tuyến ³
A	CẤP TỈNH	130	31	99	0
I	Lĩnh vực quốc tịch	5	0	5	0
1	Nhập quốc tịch Việt Nam (2.002039)	Cấp tỉnh		X	
2	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước (2.002038)	Cấp tỉnh		X	
3	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước (1.005136)	Cấp tỉnh		X	
4	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước (2.002036)	Cấp tỉnh		X	
5	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (2.001895)	Cấp tỉnh		X	
II	Lĩnh vực nuôi con nuôi	5	1	4	0
6	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi (2.002349)	Cấp tỉnh	X		
7	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (1.003160)	Cấp tỉnh		X	
8	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (1.003179)	Cấp tỉnh		X	
9	Thủ tục Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng (1.003976)	Cấp tỉnh		X	

¹ Theo Khoản 1, Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ

² Theo Khoản 2, Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ

³ Theo Khoản 3, Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ

	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Thực tuyển toàn trình¹	Thực tuyển một phần²	Không xác định là dịch vụ công trực tuyển³
10	Thủ tục Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dưỡng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi (1.004878)	Cấp tỉnh		X	
III	Lĩnh vực lý lịch tư pháp	3	3	0	0
11	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam (2.000488)	Cấp tỉnh	X		
12	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam) (2.001417)	Cấp tỉnh	X		
13	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam) (2.000505)	Cấp tỉnh	X		
IV	Lĩnh vực hộ tịch	2	2	0	0
14	Xác nhận thông tin hộ tịch (2.002516)	Cấp tỉnh	X		
15	Cấp bản sao trích lục hộ tịch (2.000635)	Cấp tỉnh	X		
V	Lĩnh vực bồi thường nhà nước	3	0	3	0
16	Thủ tục phục hồi danh dự (2.002191)	Cấp tỉnh		X	
17	Thủ tục xác định cơ quan giải quyết bồi thường (2.002193)	Cấp tỉnh		X	
18	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (2.002192)	Cấp tỉnh		X	
VI	Lĩnh vực Luật sư	18	3	15	0
19	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật (1.008709)	Cấp tỉnh		X	
20	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư (1.008624)	Cấp tỉnh		X	

	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Thực tuyển toàn trình¹	Thực tuyển một phần²	Không xác định là dịch vụ công trực tuyển³
21	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý (1.008628)	Cấp tỉnh		X	
22	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân (1.002153)	Cấp tỉnh	X		
23	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam (1.002384)	Cấp tỉnh		X	
24	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài (1.002368)	Cấp tỉnh		X	
25	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư (1.002010)	Cấp tỉnh		X	
26	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư (1.002032)	Cấp tỉnh	X		
27	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên (1.002055)	Cấp tỉnh		X	
28	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh (1.002079)	Cấp tỉnh	X		
29	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư (1.002099)	Cấp tỉnh		X	
30	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài (1.002181)	Cấp tỉnh		X	
31	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài (1.002198)	Cấp tỉnh		X	
32	Hợp nhất công ty luật (1.002218)	Cấp tỉnh		X	
33	Sáp nhập công ty luật (1.002234)	Cấp tỉnh		X	
34	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài (1.002398)	Cấp tỉnh		X	

	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Thực tuyển toàn trình¹	Thực tuyển một phần²	Không xác định là dịch vụ công trực tuyển³
35	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư (1.000828)	Cấp tỉnh		X	
36	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư (1.000688)	Cấp tỉnh		X	
VII	Lĩnh vực công chứng	23	6	17	0
37	Bổ nhiệm công chứng viên (1.000112)	Cấp tỉnh		X	
38	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm) (1.000075)	Cấp tỉnh		X	
39	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng (1.001071)	Cấp tỉnh	X		
40	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (1.001125)	Cấp tỉnh	X		
41	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác (1.001153)	Cấp tỉnh		X	
42	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng (1.001438)	Cấp tỉnh	X		
43	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng (1.001446)	Cấp tỉnh	X		
44	Hợp nhất Văn phòng công chứng (1.001688)	Cấp tỉnh		X	

	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Thực tuyển toàn trình¹	Thực tuyển một phần²	Không xác định là dịch vụ công trực tuyển³
45	Sáp nhập Văn phòng công chứng (1.001665)	Cấp tỉnh		X	
46	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng (1.001647)	Cấp tỉnh		X	
47	Thành lập Hội công chứng viên (1.003118)	Cấp tỉnh		X	
48	Bổ nhiệm lại công chứng viên (1.000100)	Cấp tỉnh		X	
49	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng (1.001721)	Cấp tỉnh		X	
50	Cấp lại Thẻ công chứng viên (1.001799)	Cấp tỉnh		X	
51	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng (2.000789)	Cấp tỉnh		X	
52	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất (2.000766)	Cấp tỉnh		X	
53	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập (2.000758)	Cấp tỉnh		X	
54	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên (1.001756)	Cấp tỉnh		X	
55	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng (2.000743)	Cấp tỉnh		X	
56	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng (2.000778)	Cấp tỉnh		X	

	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyển toàn trình¹	Trực tuyển một phần²	Không xác định là dịch vụ công trực tuyển³
57	Thành lập Văn phòng công chứng (1.001877)	Cấp tỉnh		X	
58	Xóa đăng ký hành nghề và thu hồi Thẻ công chứng viên trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng (2.002387)	Cấp tỉnh	X		
59	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng (1.012019)	Cấp tỉnh	X		
VIII	Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý	12	0	12	0
60	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư (2.000977)	Cấp tỉnh		X	
61	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật (2.000970)	Cấp tỉnh		X	
62	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý (2.000954)	Cấp tỉnh		X	
63	Thủ tục chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý (2.000840)	Cấp tỉnh		X	
64	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý (2.000587)	Cấp tỉnh		X	
65	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý (2.000518)	Cấp tỉnh		X	
66	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý (2.000596)	Cấp tỉnh		X	
67	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý (1.001233)	Cấp tỉnh		X	
68	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý (2.001680)	Cấp tỉnh		X	
69	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý (2.001687)	Cấp tỉnh		X	
70	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý (2.000829)	Cấp tỉnh		X	
71	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý (2.000592)	Cấp tỉnh		X	
IX	Lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	5	4	1	0
72	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân (1.002626)	Cấp tỉnh		x	

	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Thực tuyển toàn trình¹	Thực tuyển một phần²	Không xác định là dịch vụ công trực tuyển³
73	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản (1.008727)	Cấp tỉnh	X		
74	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản (1.001842)	Cấp tỉnh	X		
75	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên (1.001633)	Cấp tỉnh	X		
76	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản (1.001600)	Cấp tỉnh	X		
X	Lĩnh vực trọng tài thương mại	6	2	4	0
77	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (1.001248)	Cấp tỉnh		X	
78	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác (1.008889)	Cấp tỉnh	X		
79	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác (1.008890)	Cấp tỉnh		X	
80	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (1.008904)	Cấp tỉnh		X	
81	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1.008905)	Cấp tỉnh		X	
82	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyên	Cấp tỉnh	X		

	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Thực tuyển toàn trình ¹	Thực tuyển một phần ²	Không xác định là dịch vụ công trực tuyển ³
	địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác (1.008906)				
XI	Lĩnh vực tư vấn pháp luật	6	1	5	0
83	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật (1.000426)	Cấp tỉnh		X	
84	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật (1.000404)	Cấp tỉnh	X		
85	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật (1.000390)	Cấp tỉnh		X	
86	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh (1.000588)	Cấp tỉnh		X	
87	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật (1.000627)	Cấp tỉnh		X	
88	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật (1.000614)	Cấp tỉnh		X	
XII	Lĩnh vực giám định tư pháp	7	1	6	0
89	Cấp phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp (2.000890)	Cấp tỉnh		X	
90	Đăng ký hoạt động Văn phòng giám định tư pháp (2.000823)	Cấp tỉnh		X	
91	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp (2.000568)	Cấp tỉnh		X	
92	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp (1.001216)	Cấp tỉnh		X	
93	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng (2.000555)	Cấp tỉnh		X	
94	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất (1.001117)	Cấp tỉnh	X		
95	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp (1.009832)	Cấp tỉnh		x	
XIII	Lĩnh vực đấu giá tài sản	9	2	7	0
96	Thủ tục cấp Thẻ đấu giá viên (2.001815)	Cấp tỉnh		X	
97	Thủ tục cấp lại Thẻ đấu giá viên (2.001807)	Cấp tỉnh		X	

	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyển toàn trình¹	Trực tuyển một phần²	Không xác định là dịch vụ công trực tuyển³
98	Thủ tục đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản (2.001395)	Cấp tỉnh		X	
99	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản (2.001258)	Cấp tỉnh	X		
100	Thủ tục đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản (2.001247)	Cấp tỉnh		X	
101	Thủ tục phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến (2.001225)	Cấp tỉnh		X	
102	Thủ tục đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá (2.002139)	Cấp tỉnh		X	
103	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản (2.001333)	Cấp tỉnh	X		
104	Thủ tục thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá trong trường hợp thôi hành nghề theo nguyện vọng (1.008726)	Cấp tỉnh		x	
XIV	Lĩnh vực hòa giải thương mại	9	4	5	0
105	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại (2.002047)	Cấp tỉnh		X	
106	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc (1.009284)	Cấp tỉnh		X	
107	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác (1.008913)	Cấp tỉnh		X	
108	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại (2.001716)	Cấp tỉnh		X	
109	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt	Cấp tỉnh	X		

	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Thực tuyển toàn trình¹	Thực tuyển một phần²	Không xác định là dịch vụ công trực tuyển³
	Nam (1.008914)				
110	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác (1.008915)	Cấp tỉnh		X	
111	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam (1.008916)	Cấp tỉnh	X		
112	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài (1.009283)	Cấp tỉnh	X		
113	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động (2.00515)	Cấp tỉnh	X		
XV	Lĩnh vực Thừa phát lại	16	2	14	0
114	Bổ nhiệm Thừa phát lại (1.008922)	Cấp tỉnh		X	
115	Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm) (1.008923)	Cấp tỉnh		X	
116	Bổ nhiệm lại Thừa phát lại (1.008924)	Cấp tỉnh		X	
117	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại (1.008925)	Cấp tỉnh	X		
118	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại (1.008926)	Cấp tỉnh	X		
119	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại (1.008927)	Cấp tỉnh		X	
120	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại (1.008928)	Cấp tỉnh		X	

	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Thực tuyển toàn trình¹	Thực tuyển một phần²	Không xác định là dịch vụ công trực tuyển³
121	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại (1.008929)	Cấp tỉnh		X	
122	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại (1.008930)	Cấp tỉnh		X	
123	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại (1.008931)	Cấp tỉnh		X	
124	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại (1.008932)	Cấp tỉnh		X	
125	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại (1.008933)	Cấp tỉnh		X	
126	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại (1.008934)	Cấp tỉnh		X	
127	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại (1.008935)	Cấp tỉnh		X	
128	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại (1.008936)	Cấp tỉnh		X	
129	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại (1.008937)	Cấp tỉnh		X	
XVI	Lĩnh vực chứng thực	1	0	1	0
130	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Cấp tỉnh		x	
B	CẤP HUYỆN	34	04	30	0
I	Lĩnh vực Hộ tịch	19	04	15	0
131	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài (2.000528)	Cấp huyện		X	
132	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài (2.000806)	Cấp huyện		X	
133	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài (1.001766)	Cấp huyện		X	
134	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài (2.000779)	Cấp huyện		X	
135	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài (1.001695)	Cấp huyện		X	
136	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài (1.001669)	Cấp huyện		X	

	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Thực tuyển toàn trình¹	Thực tuyển một phần²	Không xác định là dịch vụ công trực tuyển³
137	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài (2.000756)	Cấp huyện		X	
138	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc (2.000748)	Cấp huyện		X	
139	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (2.002189)	Cấp huyện		X	
140	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (2.000554)	Cấp huyện		X	
141	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch) (2.000547)	Cấp huyện		X	
142	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài (2.000522)	Cấp huyện		X	
143	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (1.000893)	Cấp huyện		X	
144	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài (2.000513)	Cấp huyện		X	
145	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài (2.000497)	Cấp huyện		X	
146	Xác nhận thông tin hộ tịch (2.002516)	Cấp huyện	X		
147	Cấp bản sao trích lục hộ tịch (2.000635)	Cấp huyện	X		
148	Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất (2.002622)	Cấp huyện	X		
149	Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi (2.002621)	Cấp huyện	X		
II	Lĩnh vực Nuôi con nuôi	1	0	1	0
150	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ	Cấp huyện		X	

	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Thực tuyển toàn trình¹	Thực tuyển một phần²	Không xác định là dịch vụ công trực tuyển³
	quan có thẩm quyền của nước ngoài (2.002363)				
III	Lĩnh vực Bồi thường nhà nước	2	0	2	0
151	Thủ tục phục hồi danh dự (2.002191)	Cấp huyện		X	
152	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (2.002192)	Cấp huyện		X	
IV	Lĩnh vực Chứng thực	12	0	12	0
153	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận (2.000815)	Cấp huyện		X	
154	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được) (2.000884)	Cấp huyện		X	
155	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch (2.000913)	Cấp huyện		X	
156	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch (2.000927)	Cấp huyện		X	
157	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực (2.000942)	Cấp huyện		X	
158	Cấp bản sao từ sổ gốc (2.000908)	Cấp huyện		X	
159	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp (2.000992)	Cấp huyện		X	
160	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật (2.001008)	Cấp huyện		X	
161	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản (2.001044)	Cấp huyện		X	
162	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	Cấp huyện		X	

	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyển toàn trình¹	Trực tuyển một phần²	Không xác định là dịch vụ công trực tuyển³
	(2.001050)				
163	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản (2.001052)	Cấp huyện		X	
164	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận (2.000843)	Cấp huyện		X	
C	CẤP XÃ	46	04	42	
I	Lĩnh vực Hộ tịch	25	03	22	0
165	Thủ tục đăng ký khai sinh (1.001193)	Cấp xã		X	
166	Thủ tục đăng ký kết hôn (1.000894)	Cấp xã		X	
167	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con (1.001022)	Cấp xã		X	
168	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con (1.000689)	Cấp xã		X	
169	Thủ tục đăng ký khai tử (1.000656)	Cấp xã		X	
170	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động (1.003583)	Cấp xã		X	
171	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động (1.000593)	Cấp xã		X	
172	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động (1.000419)	Cấp xã		X	
173	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (1.000110)	Cấp xã		X	
174	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (1.000094)	Cấp xã		X	
175	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (1.000080)	Cấp xã		X	
176	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (1.004827)	Cấp xã		X	
177	Thủ tục đăng ký giám hộ (1.004837)	Cấp xã		X	
178	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ (1.004845)	Cấp xã		X	

	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyển toàn trình¹	Trực tuyển một phần²	Không xác định là dịch vụ công trực tuyển³
179	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch (1.004859)	Cấp xã		X	
180	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (1.004873)	Cấp xã		X	
181	Thủ tục đăng ký lại khai sinh (1.004884)	Cấp xã		X	
182	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (1.004772)	Cấp xã		X	
183	Thủ tục đăng ký lại kết hôn (1.004746)	Cấp xã		X	
184	Thủ tục đăng ký lại khai tử (1.005461)	Cấp xã		X	
185	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi (2.000986)	Cấp xã		X	
186	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi (2.001023)	Cấp xã		X	
187	Cấp bản sao trích lục hộ tịch (2.000635)	Cấp xã	X		
188	Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất (2.002622)	Cấp xã	X		
189	Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi (2.002621)	Cấp xã	X		
II	Lĩnh vực Nuôi con nuôi	3	1	2	0
190	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước (2.001255)	Cấp xã	X		
191	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (1.003005)	Cấp xã		X	
192	Đăng ký nuôi con nuôi trong nước (2.001263)	Cấp xã		X	
III	Lĩnh vực Bồi thường nhà nước	1	0	1	0
193	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (2.002192)	Cấp xã		X	
IV	Lĩnh vực chứng thực	11	0	11	0

	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Thực tuyển toàn trình¹	Thực tuyển một phần²	Không xác định là dịch vụ công trực tuyển³
194	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận (2.000815)	Cấp xã		X	
195	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được) (2.000884)	Cấp xã		X	
196	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch (2.000913)	Cấp xã		X	
197	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch (2.000927)	Cấp xã		X	
198	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực (2.000942)	Cấp xã		X	
199	Cấp bản sao từ sổ gốc (2.000908)	Cấp xã		X	
200	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở (2.001035)	Cấp xã		X	
201	Thủ tục chứng thực di chúc (2.001019)	Cấp xã		X	
202	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản (2.001016)	Cấp xã		X	
203	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở (2.001406)	Cấp xã		X	
204	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở (2.001009)	Cấp xã		X	
V	Lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật	02	0	2	0
205	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật (2.001457)	Cấp xã		X	
206	Thủ tục miễn nhiệm tuyên truyền viên pháp luật (2.001449)	Cấp xã		X	
VI	Lĩnh vực Hoà giải ở cơ sở	04	0	4	0
207	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (2.000930)	Cấp xã		X	

	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyển toàn trình¹	Trực tuyển một phần²	Không xác định là dịch vụ công trực tuyển³
208	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên (2.002080)	Cấp xã		X	
209	Thủ tục công nhận hòa giải viên (1.002211)	Cấp xã		X	
210	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (2.000950)	Cấp xã		X	
	Tổng	210	39	171	0